PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 2109/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi phí lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch	G1	Dự toán chi tiết	329.648.000	Xem dự toán chi tiết
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G2	11,39 % x 305.229.630 đồng	34.759.580	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G3	9,97 % x 305.229.630 đồng	30.427.189	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G4	2,00 % x 329.648.000 đồng	6.592.960	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
5	Chi phí công bố quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G5	3,00 % x 329.648.000 đồng	9.889.440	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
6	Chi phí hồ sơ quy hoạch theo thông tin địa lý (GIS)	G6	10,00 % x 329.648.000 đồng	32.964.800	Văn bản số 668/SXD-QHKT&PTĐT ngày 26/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn
7	Chi phí khác	G7		2.546.925	
7.1.	*- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*		*0.57 % x TMĐT*	*2.546.925*	*NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021*
	TỔNG CHI PHÍ TƯ VẤN	**G**	**G1+G2+…+G7**	**446.828.894**	
	LÀM TRÒN:			**446.829.000**	

PHỤ LỤC 2. CHI PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số 2109 /QĐ-UBND ngày 15 /12/2023 của UBND tỉnh)

Bảng 1: Tổng hợp chi phí tư vấn

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	KÝ HIỆU
1	Chi phí chuyên gia	Xem bảng chi tiết B2	157.380.000	Ccg
2	Chi phí quản lý	55% x Ccg	86.559.000	Cql
3	Chi phí khác	Xem bảng chi tiết B3	46.654.700	Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	6% x (Ccg+Cql)	14.636.340	TN
5	Thuế VAT	8% x (Ccg+Cql+Ck+TN)	24.418.403	VAT
6	Tổng cộng	Ccg+Cql+Ck+TN+VAT	329.648.443	Ctv
	LÀM TRÒN		**329.648.000**	

Bảng 2: Chi phí lương chuyên gia

TT	Chuyên gia thực hiện	Vị trí dự kiến	Lương chuyên gia Theo Thông tư 11/2021/TT-BXD		Số ngày làm việc	Thù lao cho chuyên gia (5) x(6)
			Năm kinh nghiệm	Lương/ ngày		
	(1)	**(2)**	**(3)**		**(6)**	**(7)= (5)x (6)**
			(3.1)	(3.2)		
1	Chuyên gia 1	Chủ nhiệm đồ án quy hoạch	>=10 năm	1,150,000	70,0	80.500.000
2	Chuyên gia 2	Chủ trì thiết kế bộ môn kiến trúc quy hoạch	5-10 năm	770,000	26,0	20.020.000
3	Chuyên gia 3	Chuyên gia thiết kế bộ môn kiến trúc quy hoạch	<=5 năm	580,000	29,0	16.820.000

TT	Chuyên gia thực hiện	Vị trí dự kiến	Lương chuyên gia Theo Thông tư 11/2021/TT-BXD		Số ngày làm việc	Thù lao cho chuyên gia (5) x(6)
			Năm kinh nghiệm	Lương/ ngày		
	(1)	**(2)**	**(3)**		**(6)**	**(7)= (5)x (6)**
4	Chuyên gia 4	Chủ trì thiết kế giao thông, san nền - Chuyên gia thiết kế giao thông, san nền	5-10 năm	770,000	15,0	11.550.000
5	Chuyên gia 5	Chủ trì thiết kế điện - Chuyên gia thiết kế điện	5-10 năm	770,000	7,0	5.390.000
6	Chuyên gia 6	Chủ trì thiết kế cấp thoát nước - Chuyên gia thiết kế cấp thoát nước	5-10 năm	770,000	13,0	10.010.000
7	Chuyên gia 7	Chuyên gia thiết kế hệ thống thông tin, liên lạc	5-10 năm	770,000	7,0	5.390.000
8	Chuyên gia 8	Chủ trì dự toán	5-10 năm	770,000	10,0	7.700.000
		Cộng			**177,0**	**157.380.000**